

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 02 và 2 tháng năm 2011

I. CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm ước đạt 94.668 tỷ đồng, tăng 13,9% so cùng kỳ, trong đó tháng 2 đạt 43.015 tỷ đồng, giảm 16,8% so tháng 1 do tháng 2 là tháng tết, số ngày làm việc giảm gần 50% so tháng 1, sản xuất ở một số doanh nghiệp còn giảm do số lao động từ các tỉnh nghỉ tết chưa vào làm việc là tình hình chung thường gặp ở mọi năm. Sản xuất công nghiệp của các khu vực so cùng kỳ đều tăng, tăng cao nhất vẫn là khu vực ngoài nhà nước.

Giá trị sản xuất công nghiệp

	Giá trị sản xuất (giá thực tế - tỷ đồng)		% so sánh	
	Tháng 2	2 tháng	Tháng 2 so với tháng 1	2 tháng so với cùng kỳ
Tổng số (I+II)	43.015	94.668	83,2	113,9
I. Khu vực trong nước	26.281	58.522	81,6	114,0
1. Trung ương	4.904	10.843	82,6	107,5
2. Địa phương	21.377	47.679	81,1	116,4
- Nhà nước	1.340	3.020	79,8	104,4
- Ngoài nhà nước	20.037	44.659	81,4	117,5
II. Khu vực có vốn ĐTNN	16.734	36.146	86,2	113,5

Xét theo ngành: so với tháng 1, chỉ có 5 ngành sản xuất tăng trong đó chỉ có ngành hóa chất và sản xuất phân phối điện có tỷ trọng khá, 3 ngành còn lại là khai thác than, khai thác mỏ khác và sản xuất thiết bị văn phòng là những ngành có tỷ trọng không đáng kể. Lũy kế 2 tháng so cùng kỳ có 24/27 ngành sản xuất tăng, trong đó có 13 ngành tăng cao hơn mức tăng bình quân chung toàn ngành, nhiều ngành có tỷ trọng cao như: da giày, cao su plastic, thiết bị điện, sản xuất xe, giường tủ bàn ghế.

Kết quả sản xuất của một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Công nghiệp trên địa bàn	Chia ra	
		Khu vực trong nước	Khu vực ĐTNN
1- Thực phẩm đồ uống	108,0	109,1	105,1
2- Sản xuất thuốc lá	94,0	94,0	-
3- Dệt may	113,3	118,7	100,5
4- Sản xuất da, giày, vali túi xách	124,9	106,9	134,9
5- Hóa chất và SP từ hóa chất	105,2	124,8	89,4
6- SP từ cao su, plastic	119,0	111,8	167,7
7- Vật liệu xây dựng	122,4	120,7	126,7
8- SX kim loại	135,7	137,9	103,6
9- Cơ khí chế tạo (*)	127,8	125,2	131,4
10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông	102,5	81,9	107,8

* Cơ khí chế tạo bao gồm các ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe, sản xuất phương tiện vận tải khác.

Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương tháng 2 ước đạt 4.904 tỷ đồng, giảm 17,4% so tháng 1; 2 tháng ước đạt 10.843 tỷ đồng, tăng 7,5% so cùng kỳ. Có 11/19 ngành sản xuất tăng trong đó nhiều ngành chiếm tỷ trọng lớn như: in tăng 31,8%; hóa chất tăng 29,9%; vật liệu xây dựng tăng 24,3%; thiết bị điện tăng 30%; ngành thực phẩm đồ uống chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 1,9%. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 21,9%, doanh nghiệp cổ phần tăng 8,4%.

Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước địa phương tháng 2 ước đạt 1.340 tỷ đồng, giảm 20,2% so tháng 1; 2 tháng ước đạt 3.020 tỷ đồng, tăng 4,4% so cùng kỳ. Có 9/14 ngành sản xuất tăng, chiếm tỷ trọng cao nhất là ngành thuốc lá tăng 11,2%; thực phẩm đồ uống tăng 2,2%. Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 6,6%; doanh nghiệp cổ phần giảm 2,7%.

Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước tháng 2 ước đạt 20.037 tỷ đồng, giảm 18,6% so tháng 1; 2 tháng ước đạt 44.659 tỷ đồng tăng, 17,5% so cùng kỳ với 22/26 ngành sản xuất tăng. Trong đó ngành thực phẩm đồ uống là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất tăng 12,4%, ngành chiếm tỷ trọng thứ hai là cao su plastic tăng 13,2%, có 8 ngành tăng từ 17% trở lên. Hợp tác xã tăng 25,8%; doanh nghiệp tư nhân tăng 18,1%; công ty TNHH tăng 13,8%; công ty cổ phần tư nhân tăng 10,5%; công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới 50% tăng 20,5%; cá thể tăng 11,8%; trừ huyện Cần Giờ, tất cả các quận, huyện đều có giá trị sản xuất tăng so cùng kỳ.

Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tháng 2 ước đạt 16.734 tỷ đồng, giảm 12,2% so tháng 1; 2 tháng ước đạt 36.146 tỷ đồng tăng

13,5% so cùng kỳ với 16/23 ngành sản xuất tăng. Tốc độ tăng của các ngành có tỷ trọng lớn như sau: thực phẩm đồ uống tăng 5,1%; da giày tăng 34,8%; vật liệu xây dựng tăng 26,7%; sản phẩm từ kim loại tăng 25,7%; thiết bị điện tăng 16,8%; radio tivi tăng 7,8%; sản xuất ô tô tăng 87,7%.

Theo phương pháp IIP chỉ số tăng trưởng công nghiệp hai tháng đầu năm đạt 11,7%.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

* **Vụ Đông Xuân 2010-2011:** Về lúa Đông xuân, đến nay đã sạ cấy 5.200 ha, trong đó Củ Chi 4.375 ha. Diện tích rau đạt gần 3.000 ha, trong đó Củ Chi 1.172 ha, Bình Chánh 797,7 ha. Diện tích đậu phộng 167,7 ha. Bắp: huyện Củ Chi đã xuống giống 526 ha.

* **Tình hình sâu bệnh:** Có khoảng 228 ha lúa bị nhiễm rầy nâu với mức độ nhẹ, tập trung tại Củ Chi và Hóc Môn.

1.2. Chăn nuôi

Công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm tra chặt chẽ. Từ đầu năm đến nay đã phát hiện và xử lý một số trường hợp dịch bệnh. Trên địa bàn huyện Bình Chánh đã phát hiện 14 hộ chăn nuôi heo tại ấp 7 xã Lê Minh Xuân có dịch, đã tiến hành tiêu hủy 807 con, hỗ trợ cho nông dân 757 triệu đồng. Ngoài ra, đã tiêu hủy 11 con heo có triệu chứng lở mồm long móng tại cơ sở giết mổ An hạ, Củ Chi. Tại Bình Tân, đã tiêu hủy 518 con heo bị lở mồm long móng của 35 hộ chăn nuôi trên 2 phường Tân Tạo và Bình Trị Đông A, số tiền ngân sách hỗ trợ 627,5 triệu đồng.

2. Lâm nghiệp

Trong tháng Chi cục Kiểm lâm Cần Giờ đã phát hiện, xử lý 7 vụ vi phạm về phá rừng, khai thác rừng, vận chuyển mua bán lâm sản trái phép

3. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Tổng sản lượng thủy sản tháng 2 ước thực hiện 2.445 tấn, tăng 65,1% so với cùng kỳ năm trước (trong đó tôm các loại bằng 2,3 lần cùng kỳ, nhuyễn thể bằng 1,8 lần cùng kỳ), chủ yếu do sản lượng nuôi trồng tăng mạnh, bằng 2,1 lần so cùng kỳ.

Sản lượng đánh bắt đạt 1.500 tấn (bao gồm tôm các loại 250 tấn, hải sản khác 1.250 tấn), tăng 44,2% so với cùng kỳ, so tháng trước đạt 70,9%.

Sản lượng nuôi trồng tháng 2 ước thực hiện 945 tấn, bằng 2,1 lần so cùng kỳ năm trước, chủ yếu do sản lượng nghêu, sò, hào tăng cao. Sản lượng tôm các loại 520 tấn, bằng 2,6 lần cùng kỳ, trong đó tôm sú 150 tấn, tôm thẻ chân trắng 250 tấn.

Tổng sản lượng 2 tháng ước thực hiện 5.547 tấn, tăng 11,4% so cùng kỳ. Sản lượng đánh bắt 3.617 tấn, tăng 14,8%. Sản lượng nuôi trồng 1.930 tấn, tăng 13,7%, chủ yếu do sản lượng tôm gập đôi cùng kỳ năm trước, sản lượng nhuyễn thể giảm 36,9%.

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng: Tổng vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố 2 tháng ước thực hiện 1.046,3 tỷ đồng, tăng 7,9% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm trước tăng 6,8%). Cấp thành phố ước thực hiện 311,7 tỷ đồng, chiếm 29,7%; cấp quận, huyện ước thực hiện 734,6 tỷ đồng, chiếm 70,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 2 tháng (tỷ đồng)	So sánh với cùng kỳ năm 2010 (%)
Tổng vốn đầu tư	1.046,3	107,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	145,3	101,7
Cấp thành phố	311,7	68,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	27,9	67,9
Cấp quận huyện	734,6	143,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	117,4	115,4

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2011 (đợt 1) đã được thành phố phân bổ cho các dự án từ nguồn vốn ngân sách thành phố và vốn viện trợ phát triển (ODA), với tổng vốn 10.257,04 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ODA và vốn đối ứng từ ngân sách là 1.034 tỷ đồng, chiếm 10,1%.

Tháng 2, do ảnh hưởng của Tết Nguyên đán nên khối lượng thực hiện trong tháng không cao, bằng 74,3% so với tháng 1 và bằng 85,9% so với tháng cùng kỳ. Nhưng khối lượng thực hiện 2 tháng so với cùng kỳ tăng 7,9% (2 tháng cùng kỳ năm 2010 tăng 6,8%).

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

Các dự án đang đền bù giải tỏa như: dự án tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài; tuyến đường sắt đô thị số 1 và mở rộng xa lộ Hà Nội; tuyến đường sắt đô thị số 2... do ảnh hưởng của tết nên khối lượng thực hiện chậm.

Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở:

Tháng 1, toàn thành phố đã cấp 2.872 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, bằng 96,6% so cùng kỳ (-100 giấy phép); với diện tích sàn 526,8 ngàn m², tăng 9,6% (+46,1 ngàn m²). Trong đó cấp cho xây dựng mới 2.583 giấy phép, với diện tích 488,8 ngàn m² và 289 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 38 ngàn m².

2. Đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 18/2 đã có 34 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký đạt 1.089,5 triệu USD, vốn điều lệ 125,1 triệu USD. Riêng dự án **Nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời với công nghệ màng mỏng tại Khu công nghiệp Đông Nam, Củ Chi có vốn đầu tư 1 tỷ USD**. Đây là dự án có quy mô lớn thuộc lĩnh vực công nghệ cao, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố theo hướng sản xuất các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao, bảo vệ môi trường và tạo việc làm cho người lao động. Giai đoạn 1 của dự án sẽ hoàn thành vào năm 2012, với mức đầu tư 300 triệu USD, nhà máy sẽ gồm 4 dây chuyền sản xuất, mỗi dây chuyền ước đạt công suất 59,6 MW/năm, tổng công suất dự kiến đạt khoảng 238 MW/năm, giải quyết việc làm cho khoảng 600 lao động. Việc Tập đoàn First Solar đầu tư và đặt nhà máy sản xuất tại thành phố tiếp tục khẳng định môi trường đầu tư kinh doanh hiệu quả, lành mạnh của thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung.

Chia theo hình thức đầu tư: có 9 dự án liên doanh, vốn đầu tư 75,9 triệu USD và 25 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 1.013,6 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 6 dự án, vốn đầu tư 1.028,5 triệu USD; ngành xây dựng 6 dự án, vốn đầu tư 2,7 triệu USD; ngành thương mại 6 dự án, vốn đầu tư 16,4 triệu USD; ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn 13 dự án, vốn đầu tư 41,3 triệu USD,...

Chia theo đối tác đầu tư: Hàn quốc 9 dự án, vốn đầu tư 20,4 triệu USD; Singapore 6 dự án, vốn đầu tư 1.046,1 triệu USD (dự án xây dựng nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời của Tập đoàn First Solar của Mỹ nhưng đầu tư qua Singapore); Nhật Bản 5 dự án, vốn đầu tư 260 ngàn USD, Hà Lan 1 dự án, vốn đầu tư 20 triệu USD,...

Có 13 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn điều lệ, vốn đầu tư điều chỉnh tăng 11,5 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đến 18/2 đạt 1.101 triệu USD (cùng kỳ năm trước 328,3 triệu USD).**

IV. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Trong 7 ngày đầu tháng 2 năm nay là thời gian nghỉ Tết do đó nhu cầu mua sắm đã giảm đáng kể so tháng trước. Riêng hoạt động nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ du lịch tăng do nhu cầu trong dịp Tết.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 2/2011 trên thị trường thành phố ước đạt 34.502 tỷ đồng, giảm 12,3% so với tháng trước.

Dự ước 2 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 73.858 tỷ đồng, tăng 24% so cùng kỳ:

- Kinh tế nhà nước 16.761 tỷ đồng, tăng 19,2%;
- Kinh tế ngoài nhà nước 55.132 tỷ đồng, tăng 26%;
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.965 tỷ đồng, tăng 12,9%.

Nếu loại trừ biến động giá, mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 2 tháng đầu năm tăng 13,5% (cùng kỳ: năm 2010 tăng 23,3%, năm 2009 tăng 3,2%).

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ Phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 2 tháng 2011 (tỷ đồng)			% so sánh với cùng kỳ năm 2010		
	Trên địa bàn	K.té trong nước	K.té có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. té trong nước	K.té có vốn ĐTNN
Tổng mức	73.858	71.893	1.965	124,0	124,3	112,9
Tr.đó: Thương nghiệp	57.305	56.842	463	125,7	125,6	138,6
Khách sạn	1.365	765	599	121,6	145,3	100,7
Nhà hàng	5.911	5.772	139	125,8	125,4	148,0
Dịch vụ lữ hành	1.827	1.598	229	121,1	124,8	102,0

* **Tình hình thị trường trong tháng Tết:** Năm nay đợt nghỉ Tết kéo dài đến hết ngày mùng 5 Tết, tuy nhiên các siêu thị, trung tâm thương mại, các chợ đã hoạt động trở lại khá sớm (từ mùng 1, mùng 2 Tết) nhưng do người tiêu dùng đã sắm sửa trong tháng trước Tết, nhu cầu sau Tết không nhiều, hoạt động mua bán chỉ thực sự trở lại bình thường từ mùng 8, mùng 10 trở đi. Sức mua giảm đáng kể so tháng trước.

* **Về kinh doanh du lịch:** Dự ước tháng 2, doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành) đạt 1.648 tỷ đồng, tăng 6,7% so với tháng trước. Riêng dịch vụ lữ hành tăng 20,6% so tháng trước và tăng 57,2% so với tháng 2 năm trước.

2 tháng đầu năm doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành đạt 3.192 tỷ đồng, tăng 21,5% so cùng kỳ. Trong đó khách sạn tăng 21,6%; lữ hành tăng 21,1%

2. Giá cả

Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2011 tăng 1,61% so với tháng trước. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng có 5 nhóm có mức tăng cao hơn mức tăng bình quân chung là: nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,45%; nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 2,58%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,48% (trong đó nhóm thực phẩm tăng 3,3%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,03%); nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 2,41%, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,73%. Các nhóm hàng hóa còn lại đều tăng nhẹ.

Nhìn chung mức độ tăng giá của tháng 2/2011 thấp hơn tháng 2/2010 (năm trước là 1,68%) là do có sự chuẩn bị hàng hóa từ trước Tết và đặc biệt là sự hoạt động có hiệu quả của chương trình bình ổn giá.

Mức tăng giá của các nhóm hàng tháng 2 so với tháng 12 năm trước

	Năm 2010	Năm 2011
1. Chỉ số giá tiêu dùng	+2,97	+2,63
Ăn và dịch vụ ăn uống	+4,68	+3,86
Trong đó: Lương thực	+9,79	+1,99
Thực phẩm	+4,26	+4,49
Uống và thuốc lá	+3,40	+4,54
May mặc, mũ nón giày dép	+2,78	+2,68
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	+4,03	+2,35
Thiết bị và đồ dùng gia đình	+0,69	+0,94
Dược phẩm và dịch vụ y tế	+0,42	+0,19
Đi lại và bưu điện	+1,59	+2,42
Bưu chính viễn thông	-1,55	+0,01
Giáo dục	+0,11	+0,09
Văn hoá và giải trí	+4,11	+2,57
Hàng hóa và dịch vụ khác	+6,23	+3,26
2. Chỉ số giá vàng	-5,84	-0,67
3. Chỉ số giá USD	-0,74	-0,36

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2/2011 so với tháng 2/2010 tăng 9,22% (năm trước tăng 9,45%); so với tháng 12 năm trước tăng 2,63% (năm trước tăng 2,97%). Như vậy

mức độ tăng giá 2 tháng đầu năm nay thấp hơn 2 tháng đầu năm trước. Bình quân 1 tháng trong 2 tháng đầu năm 2011 tăng 1,3% (năm trước 1,47%).

Giá vàng giảm 0,64% và tỷ giá USD tăng 0,43% so với tháng trước. So với cùng kỳ giá vàng tăng 35,38% và tỷ giá USD tăng 9,4%. Ngày 11/2/2011, ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá USD bình quân liên ngân hàng lên mức 20.693VND/USD và thu hẹp biên độ giao dịch từ +/- 3% xuống +/-1% nhằm tăng tính thanh khoản của thị trường ngoại hối, góp phần kiểm chế nhập siêu và hỗ trợ cho việc thực thi chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt hơn.

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn 2 tháng đầu năm ước thực hiện 5.932 triệu USD (không tính giá trị xuất khẩu dầu thô), tăng 22,6% so cùng kỳ. Trong đó xuất khẩu chiếm 39,6% và nhập khẩu chiếm 60,4%.

1. Xuất khẩu:

Trị giá hàng hóa xuất khẩu của tháng 2 ước đạt 1.569,4 triệu USD, giảm 10,8% so với tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước 1.189,4 triệu USD, giảm 7,6% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài 380 triệu USD, giảm 19,5%. **Nếu không tính giá trị xuất khẩu dầu thô thì tổng trị giá hàng hoá xuất khẩu đạt 1.052,4 triệu USD, giảm 18,8% so tháng trước.**

Hai tháng đầu năm, trị giá hàng hóa xuất khẩu ước đạt 3.329,3 triệu USD, tăng 19,7% so cùng kỳ. **Nếu không tính giá trị xuất khẩu dầu thô thì tổng trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 2.348,3 triệu USD, tăng 19,9% so cùng kỳ.**

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 2	2 tháng	Tháng 2 với tháng 1	2 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	1.569,4	3.329,3	89,2	119,7
Kinh tế Nhà nước	853,2	1.728,3	97,5	121,6
Kinh tế tập thể	1,2	2,5	86,2	83,2
Kinh tế tư nhân	335,0	746,2	81,5	120,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	380,0	852,3	80,5	115,3

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước trong 2 tháng đầu năm và so sánh với cùng kỳ:

+ Gạo ước đạt 525,2 ngàn tấn với trị giá 250,1 triệu USD, chiếm 16,7% trong tổng trị giá hàng xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước (không kể giá trị dầu thô), tăng 2,8% so cùng kỳ (lượng tăng 1,3%, giá gạo bình quân tăng 1,5%);

+ Cà phê 91,4 triệu USD, tăng 141,9%;

- + Thủy sản 59,6 triệu USD, tăng 10,6%;
- + May mặc 311,2 triệu USD, chiếm 20,8% tổng trị giá hàng xuất khẩu, tăng 13%;
- + Giày dép 80 triệu USD, tăng 12,3%;
- + Sữa 13,2 triệu USD, giảm 13,8%;
- Dầu thô ước xuất 1.306 ngàn tấn, giảm 6,7% so cùng kỳ, trị giá đạt 980,9 triệu USD, tăng 19,4% là do giá bình quân tăng 27,9% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu:

Trị giá hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 2 ước đạt 1.596,6 triệu USD, giảm 19,7% so tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước 1.181,6 triệu USD, giảm 24%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 415 triệu USD, giảm 4%.

Trị giá hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 2 tháng đầu năm ước đạt 3.583,8 triệu USD, tăng 24,4% so cùng kỳ.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 2	2 tháng	Tháng 2 với tháng 1	2 tháng với cùng kỳ 2010
Tổng số	1.596,6	3.583,7	80,3	124,4
Kinh tế Nhà nước	517,5	1.187,4	77,3	125,1
Kinh tế tập thể	0,9	1,8	90,3	160,6
Kinh tế tư nhân	663,2	1.547,4	75,0	122,5
Kinh tế có vốn nước ngoài	415,0	847,1	96,0	126,8

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước trong 2 tháng đầu năm và so với cùng kỳ:

- Sữa và sản phẩm sữa 78 triệu USD, tăng 16,1%;
- Nhiên liệu 99,3 USD, giảm 19,7% (về lượng giảm 56,6%, giá nhiên liệu bình quân tăng 85,2%);
- Nguyên phụ liệu may 140,5 triệu USD, tăng 15%;
- Phụ liệu giày dép 29,1 triệu USD, tăng 13,7%;
- Sắt thép 38,8 triệu USD, tăng 66,6%;
- Tân dược 141,7 triệu USD, tăng 10,7%;
- Dầu mỡ động thực vật 46,3 triệu USD, tăng 104,6%;
- Chất dẻo 34,2 triệu USD, tăng 15%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 2 ước đạt 2.263,1 tỷ đồng, giảm 17,3% so với tháng trước và tăng 26,6% so với tháng 2/2010. Doanh thu 2 tháng đầu năm ước đạt 4.998 tỷ đồng, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2010; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 17,8%, tăng 11,4%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu 2 tháng (tỷ đồng)		% so sánh 2 tháng với cùng kỳ 2010	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	3.348,4	1.649,6	127,3	129,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	802,4	89,3	112,2	104,4
Kinh tế ngoài nhà nước	2.546,0	1.560,3	133,0	130,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	1.678,9	1.285,5	123,2	124,3
Đường sông	288,1	27,3	146,6	129,9
Đường biển	1.369,9	-	129,0	-
Đường hàng không	11,5	336,8	136,6	151,7

Doanh thu vận tải hàng hóa 2 tháng đầu năm ước đạt 3.348,4 tỷ đồng, chiếm 67% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 27,3% so cùng kỳ. Doanh thu vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 40,9% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa, tăng 29% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải hành khách 2 tháng đầu năm ước đạt 1.649,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 33% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 29,1% so với cùng kỳ. Trong đó doanh thu đường bộ chiếm 77,9% doanh thu vận tải hành khách, tăng 24,3%; doanh thu đường hàng không chiếm 20,4%, tăng 51,7%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 2 ước thực hiện 4.857,5 ngàn tấn, giảm 2,3% so tháng trước, tăng 39,5% so cùng kỳ.

Hai tháng đầu năm ước đạt 9.831,7 ngàn tấn, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó hàng hóa xuất khẩu 3.926 ngàn tấn, chiếm 39,9%, tăng 17,3%; hàng hoá nhập khẩu 4.622,8 ngàn tấn, chiếm 47%, tăng 12,2%.

Hàng hoá qua cảng biển 2 tháng đầu năm chiếm 94,9% sản lượng, tăng 14,7 so cùng kỳ; hàng hoá qua cảng có vốn nước ngoài chiếm 8,4%, giảm 22,7%. Hàng hoá qua cảng sông chiếm 5,1%, tăng 13,7% so cùng kỳ.

Hàng hóa thông qua cảng

Ước thực hiện (ngàn tấn)	% so sánh
--------------------------	-----------

	Tháng 2	2 tháng	Tháng 2 so tháng 1	2 tháng so cùng kỳ 2010
Tổng số	4.857,5	9.831,7	97,7	114,7
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	4.614,7	9.334,5	97,8	114,7
Cảng sông	242,8	497,2	95,4	113,7
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	1.949,7	3.926,0	98,7	117,3
Hàng nhập khẩu	2.285,0	4.622,8	97,7	112,2
Hàng nội địa	622,8	1.282,9	94,3	115,7

Doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 2 ước đạt 419,8 tỷ đồng, giảm 7,6% so với tháng trước, tăng 34,5% so với tháng 2/2010. Ước tính 2 tháng đầu năm đạt 874 tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 2 tháng ước thực hiện 32.877,1 tỷ đồng, đạt 18,5% dự toán, tăng 46,7% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 20.493,6 tỷ đồng, đạt 20,7% dự toán, tăng 84,3% so cùng kỳ. Thu từ dầu thô đạt 2.744,8 tỷ đồng, đạt 24,1% dự toán, tăng 5,9%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 9.500 tỷ đồng, đạt 15,2% dự toán, tăng 12,6%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 2 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 2 tháng	Dự toán	Cùng kỳ 2010
Tổng thu	177.970	32.877,1	18,5	146,7
I- Thu nội địa	98.996	20.493,6	20,7	184,3
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	25.810	5.022,0	19,5	120,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	26.880	5.493,5	20,4	145,0
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	22.200	4.662,0	21,0	148,0
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	62.310	9.500,0	15,2	112,6
III- Thu từ dầu thô	11.400	2.744,8	24,1	105,9

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 2 tháng đạt 5.022 tỷ đồng, chiếm 24,5% tổng thu nội địa, tăng 20,2% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương đạt 2.895,5 tỷ đồng, tăng 46,5%; Nhà nước địa phương 2.126,5 tỷ đồng, giảm 3,4%. Khu vực ngoài nhà nước nộp ngân sách 5.493,5 tỷ đồng, chiếm 26,8% thu nội địa, tăng 45%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 4.662 tỷ đồng, chiếm 22,7% thu nội địa, tăng 48%. Thu

khác đạt 5.316 tỷ đồng, tăng 9,1%; trong đó: thuế thu nhập cá nhân tăng 63,2% (cùng kỳ năm trước tăng 29,3%).

Thu điều tiết ngân sách địa phương 2 tháng đạt 7.250,4 tỷ đồng, đạt 4,1% dự toán, tăng 118,3% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 2 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 2 tháng	Dự toán	Cùng kỳ 2010
Tổng chi (trừ tạm ứng, GTGC)	31.433,8	4.510,0	14,3	111,1
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.300,0	1.918,9	17,0	85,1
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.348,9	-	-	-
II- Chi thường xuyên	18.750,0	2.591,1	13,8	143,8
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	2.690,0	150,3	5,6	125,3
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.974,9	665,6	13,4	129,0
Sự nghiệp y tế	2.161,4	165,6	7,7	118,3
Quản lý hành chính	2.717,3	403,6	14,9	149,3

Tổng chi ngân sách địa phương 2 tháng ước thực hiện 4.510 tỷ đồng, đạt 14,3% dự toán, tăng 11,1% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 1.918,9 tỷ đồng, giảm 14,9% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 2.591,1 tỷ đồng, tăng 43,8%; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 150,3 tỷ đồng, tăng 25,3% so cùng kỳ; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 665,6 tỷ đồng, tăng 29%; chi sự nghiệp y tế 165,6 tỷ đồng, tăng 18,3%; chi quản lý hành chính đạt 403,6 tỷ đồng, tăng 49,3%; chi đảm bảo xã hội tăng 84,6% so cùng kỳ.

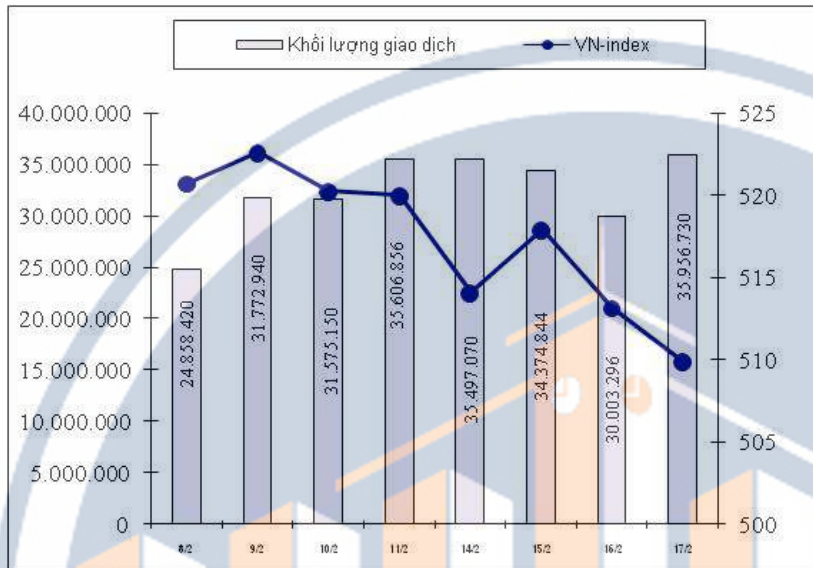
Tổng chi ngân sách bao gồm tạm ứng, ghi thu ghi chi ước thực hiện 27.546,1 tỷ đồng, tăng 162% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

Vốn huy động trên địa bàn thành phố cuối tháng 2 ước đạt 798,7 ngàn tỷ đồng, tăng 61,8% so cùng kỳ. Vốn huy động của các NHTMCP chiếm 57,2%, tăng 104,8% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 25,8% tổng vốn huy động, tăng 53,3% so cùng kỳ; huy động VNĐ tăng 64,9%, trong đó tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu đạt 256 ngàn tỷ đồng, tăng 56,5%, chiếm 32,1% tổng vốn huy động.

Tổng dư nợ tín dụng ước đạt 730 ngàn tỷ đồng, tăng 71,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng của các NHTMCP chiếm 50,6% tổng dư nợ, tăng 107,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 198,3 ngàn tỷ đồng, chiếm 27,2%, tăng 79% so cùng kỳ; dư nợ tín dụng bằng VNĐ tăng 68,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 44,4% tổng dư nợ, tăng 71,2% so cùng kỳ; dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 71,8% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 17/2, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 285; trong đó: 280 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 229.930 tỷ đồng, tăng 0,7% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 158.709 tỷ đồng (chiếm 69%), trái phiếu đạt 68.460 tỷ đồng (chiếm 29,8%). Giá trị thị

trường của các chứng khoán niêm yết đạt 635.888 tỷ đồng, tăng 7,1% so đầu năm. Chỉ số VN-index đạt 509,83 điểm, tăng 25,2 điểm so đầu năm.

Khối lượng giao dịch 17 ngày đầu tháng 2 đạt 259,6 triệu chứng khoán, giảm 4% so tháng trước, trong đó cổ phiếu chiếm 99,2%, giảm 3,8%. Lũy kế từ đầu năm đạt 955,1 triệu chứng khoán, giảm 11,9% so cùng kỳ. Trong đó: khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 844,3 triệu chứng khoán, giảm 16% so cùng kỳ; giao dịch thỏa thuận đạt 110,8 triệu chứng khoán, tăng 41%.

Giá trị giao dịch 17 ngày đầu tháng đạt 6.557,5 tỷ đồng, giảm 3,4% so tháng trước. Trong đó: giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 5.955,1 tỷ đồng, tăng 9% so tháng trước; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 602,4 tỷ đồng, giảm 54,7%. Giá trị giao dịch của cổ phiếu đạt 6.538,8 tỷ đồng, chiếm 99,7% tổng giá trị giao dịch, giảm 3,4% so tháng trước.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	17 ngày tháng 2	Lũy kế đến tháng 2	Tháng 2 so tháng 1	2 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	259,6	955,1	96,0	88,1
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	257,4	945,5	96,2	89,6
Trái phiếu	-	0,5	-	14,6
Chứng chỉ quỹ	2,2	9,1	73,6	36,2
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	243,4	844,3	105,2	84,0
Giao dịch thỏa thuận	16,2	110,8	41,6	141,0
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	6.557,5	24.461,6	96,6	51,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	6.538,8	24.363,1	96,6	51,4

Trái phiếu	-	30,5	-	10,6
Chứng chỉ quỹ	18,7	68,0	87,9	22,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	5.955,1	20.815,6	109,0	47,1
Giao dịch thoả thuận	602,4	3.646,0	45,3	96,0

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Các hoạt động chuẩn bị Tết Tân Mão:

Thành phố đã chăm lo chu đáo cho các tầng lớp nhân dân đón tết dân tộc, đặc biệt là các gia đình chính sách, dân nghèo, công nhân, sinh viên và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn theo tinh thần “đoàn kết, vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm”. Một trong những thành công trong việc góp phần đem đến cho nhân dân, đặc biệt là những người nghèo đón tết an vui là chương trình bình ổn giá của Thành phố. Với quyết tâm mạnh mẽ vì mục tiêu ổn định thị trường, ổn định xã hội, chương trình bình ổn giá của Thành phố thông qua các hệ thống siêu thị, cửa hàng, điểm bán hàng bình ổn giá đã đến tận tay người dân, cả ở vùng sâu vùng xa, góp phần mang đến một mùa xuân vui tươi, ấm áp.

Chương trình bắn pháo hoa nghệ thuật vào thời khắc giao thừa, từ 00 giờ 00 phút đến 00 giờ 15 phút ngày 03/02/2011 (đêm 30 tháng chạp âm lịch) tại 5 điểm tâm cao: Khu vực xưởng đóng tàu Caric (quận 2), dự án xây dựng Trung tâm hành chính quận 7 (quận 7), dự án Công viên Văn hóa Gò Vấp (quận Gò Vấp), Khu Tưởng niệm Liệt sĩ Ngã Ba Giồng (huyện Hóc Môn) và đền Tưởng niệm Liệt sĩ Bến Dược (Củ Chi) và 3 địa điểm tầm thấp: Công viên Lịch sử Văn hóa dân tộc (quận 9), Công viên Văn hóa Đàm Sen (quận 11) và huyện Cần Giờ.

Thành phố đã tổ chức họp mặt, viếng thăm và tặng quà tết cho các đồng chí lãnh đạo trung ương, thành phố, diện chính sách có công, cán bộ cách mạng lão thành, bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhân sỹ trí thức, các nhà khoa học, cán bộ cao cấp nghỉ hưu, gia đình chính sách, hộ nghèo,... Thành phố đã hỗ trợ từ ngân sách cùng các khoản vận động, quyên góp của các ngành, các cấp và các mạnh thường quân để chăm lo tết cho nhân dân với số tiền hơn 300 tỷ đồng. Trong đó, Thành phố chi hơn 121 tỷ đồng và vận động gần 3,5 tỷ đồng chăm lo tết cho 242.657 người diện chính sách có công; hỗ trợ quà tết cho hộ nghèo với tổng số tiền 16,6 tỷ đồng,... Bên cạnh đó thành phố cũng tặng quà tết cho cán bộ công chức, nhân viên hành chính sự nghiệp không có thu với số tiền 700.000đ/người.

2. Y tế

Trong các ngày tết (từ ngày 31/1/2011 đến ngày 6/2/2011) các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố đã tiếp nhận cấp cứu 1.699 trường hợp tai nạn giao thông, tăng hơn 17% so với tết năm trước; trong đó có 9 ca tử vong, tăng 6 ca so với tết năm trước. Trong những ngày tết các bệnh viện còn tiếp nhận trên 8.200 trường hợp đến khám cấp cứu, tai nạn tăng gần 53% so với năm trước.

- Tình hình dịch bệnh:

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** Số ca mắc bệnh trong tháng 1/2011 là 1.538 ca, tăng 102,9% (+780 ca) so với tháng 1/2010, giảm 12,1% (-212 ca) so với tháng 12/2010; không có tử vong. Số ca mắc bệnh tập trung ở một số quận như: quận 8, Bình Tân, Tân Phú.

+ **Bệnh tay chân miệng:** Số ca mắc bệnh trong tháng 1/2011 là 203 ca, giảm 5,6% (-12 ca) so với tháng 1/2010, giảm 15,4% (-37 ca) so với tháng 12/2010; không có tử vong. Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận, huyện nhiều nhất ở quận 8, Thủ Đức, Hóc Môn.

+ **Bệnh tiêu chảy, tả:** Trong tháng 1/2010 trên địa bàn thành phố có 216 ca mắc bệnh tiêu chảy, giảm 18,5% (-49 ca) so với cùng kỳ năm trước, không có tử vong. Trong tháng 1 có 1 trường hợp nghi mắc bệnh tả tại quận Thủ Đức, bệnh nhân đang được tiến hành xét nghiệm, cách ly điều trị. Thành phố đã khoanh vùng để xử lý và tăng cường tuyên truyền phòng chống dịch cho người dân.

3. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 01/01 đến 31/01)

- Tình hình trật tự trong những ngày tết (từ ngày 1/2 đến 7/2)

+ **Tình hình giao thông trong những ngày tết:** Đã xảy ra 8 vụ tai nạn giao thông, tăng 1 vụ so với tết năm trước; làm chết 6 người, tăng 1 người; Va chạm giao thông 69 vụ, giảm 45 vụ.

+ **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 27 vụ cháy. Những vụ cháy đã xảy ra tại một số quận trung tâm của thành phố, nguyên nhân do bất cẩn trong đốt rác, đốt nhang thờ cúng,...

- **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 65 vụ, tăng 47,7% (+21 vụ) so với tháng 12/2010, giảm 20,7% (-17 vụ) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: buôn bán vận chuyển hàng ngoại không có hóa đơn chứng từ (29 vụ); kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (13 vụ); mua bán hàng cấm (14 vụ), vận chuyển mua bán gia cầm chưa qua kiểm dịch (3 vụ); sản xuất, buôn bán hàng giả (6 vụ). Thu giữ hàng hóa trị giá trên 1,4 tỷ đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Trong tháng 1/2011 đã xảy ra 466 vụ, giảm 2,7% (-13 vụ) so với tháng 12/2010; giảm 8,3% (-42 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 17 người, bị thương 42 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 10 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 14 vụ, cướp tài sản 38 vụ, cướp giật 111 vụ, cưỡng đoạt tài sản 8 vụ, hiếp dâm 5 vụ, chống người thi hành công vụ 4 vụ. Số vụ đã điều tra khám phá là 312 vụ, bắt 399 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

+ **Ma túy:** Tổng số vụ vi phạm trong tháng 1/2011 là 139 vụ trong đó: mua bán - tàng trữ 121 vụ, sử dụng trái phép chất ma túy 18 vụ, đã khởi tố 110 vụ với 148 người vi phạm; xử lý hành chính 29 vụ với 117 người vi phạm. Lập hồ sơ tập

trung 132 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại địa phương. Đã triệt phá 13 điểm tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy lớn; bắt 32 người vi phạm và thu giữ nhiều hiện vật.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 5 ổ mại dâm, bắt giữ 36 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 22 gái mại dâm; 203 đối tượng lang thang, xin ăn; 54 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra và lập biên bản 334 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Lập hồ sơ xử lý 121 vụ tổ chức cờ bạc với 557 người tham gia, thu giữ trên 421 triệu đồng, 516 USD và nhiều hiện vật.

- **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 105 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 14,6% (-18 vụ) so với tháng 12/2010, tăng 19,3% (+17 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 92 người, bị thương 45 người. Đã lập biên bản hành chính 136.472 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 4.029 xe các loại, tước 3.906 giấy phép lái xe, xử lý 1.956 trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,... chuyển Kho bạc nhà nước trên 22 tỷ đồng.

Trong tháng 1/2011 trên địa bàn thành phố xảy ra 1 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 1 người.

- **Tai nạn cháy, nổ:** Đã xảy ra 9 vụ cháy, giảm 18,2% (-2 vụ) so với tháng 12/2010, giảm 35,7% (-5 vụ) so với cùng kỳ năm trước; không có người chết, bị thương 2 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 45 triệu đồng. Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện, bất cẩn trong sinh hoạt, ...

4. Giải quyết việc làm:

Trong tháng 2/2011 đã giải quyết việc làm cho 12,1 ngàn lao động, trong đó lao động có việc làm ổn định là 6,4 ngàn lao động. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 5,2 ngàn chỗ làm.

Từ đầu năm đến nay, đã giải quyết việc làm cho 28 ngàn lao động, đạt 10,6% so kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 16,2 ngàn lượt người, chiếm tỉ lệ 57,7% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 11,9 ngàn chỗ làm, đạt 9,9% kế hoạch.

Q. CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Loan

ƯỚC TÍNH KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
Tháng 02 năm 2011

	Thực hiện năm 2011		% so sánh		
	Tháng 2	2 tháng	Tháng	Tháng	2 tháng
			2/11 so với tháng 1/2011	2/11 so với tháng 2/10	2 tháng 2011 so với 2 tháng 2010
I. Thu chi ngân sách nhà nước (tỷ đồng)					
1. Thu ngân sách Nhà nước	10.975,9	32.877,1	50,1	74,7	146,7
Trong đó: Thu nội địa	6.291,2	20.493,6	44,3	88,7	184,3
Thu xuất nhập khẩu	3.484,7	9.500,0	57,9	89,9	112,6
2. Thu ngân sách địa phương	2.068,7	7.250,4	33,9	53,7	218,3
3. Chi ngân sách địa phương	14.107,0	27.546,1	105,0	460,2	262,0
T.đó: Chi đầu tư phát triển	1.511,4	1.918,9	370,9	75,2	85,1
II. NGÂN HÀNG					
<i>(Số dư cuối kỳ - Tỷ đồng)</i>					
1. Tổng vốn huy động		798.736	101,1		161,8
Tr.đó: Tiền gửi dân cư		422.124	101,2		179,0
2. Dư nợ tín dụng		730.013	102,1		171,5
III. CÔNG NGHIỆP					
1. Giá trị sản xuất công nghiệp	14.749	32.480	83,2	119,6	113,9
<i>(tỷ đồng - giá so sánh)</i>					
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>					
Kinh tế trong nước	9.445	21.022	81,6	120,5	114,0
Kinh tế Nhà nước	2.899	6.432	82,0	115,4	106,9
Trung ương	2.339	5.170	82,6	116,9	107,5
Địa phương	560	1.262	79,8	109,7	104,4
Kinh tế ngoài nhà nước	6.546	14.590	81,4	122,9	117,5
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	5.304	11.458	86,2	118,1	113,5
<i>* Phân theo ngành kinh tế</i>					
Thực phẩm và đồ uống	2.309	4.959	86,2	111,9	108,0
Thuốc lá	452	1.092	70,7	89,9	94,0
Dệt	616	1.385	82,5	110,3	113,1
May	1.168	2.512	84,1	118,3	113,4
Thuộc da, sx va li, túi xách	841	2.330	66,7	88,6	124,9

	Thực hiện năm 2011		% so sánh		
	Tháng 2	2 tháng	Tháng	Tháng	2 tháng
			2/11 với tháng 1/2011	2/11 với tháng 2/10	2 tháng 2011 với 2 tháng 2010
Hoá chất và các sản phẩm từ hoá chất	1.842	3.329	105,5	136,1	105,2
Sản phẩm từ cao su, plastic	1.370	3.330	73,1	120,6	119,0
Sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại	788	1.735	82,5	143,8	122,4
Điện, điện tử	862	2.123	70,2	129,3	134,6
2. Sản phẩm chủ yếu					
Sữa hộp đặc (triệu hộp)	18,8	38,6	95,6	74,7	75,7
Bia các loại (triệu lít)	62,5	141,2	79,4	109,4	100,3
Thuốc lá các loại (triệu bao)	136,6	324,3	72,8	96,6	97,3
Vải thành phẩm (triệu mét)	13,7	28,9	90,4	115,3	102,5
Quần áo may sẵn (triệu sản phẩm)	40,2	84,8	90,2	124,1	116,6
Phân bón -super lân (ngàn tấn)	108,6	226,8	91,9	138,1	138,8
Xà phòng giặt (ngàn tấn)	25,8	50,9	103,1	112,2	86,9
Xi măng (ngàn tấn)	723,5	1.577,0	84,8	180,5	155,4
Thép các loại (ngàn tấn)	80,5	161,9	98,9	221,6	165,4
IV. ĐẦU TƯ					
Tổng vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)	2.054	6.278	48,6	108,6	108,2
Trong đó: Vốn ngân sách địa phương	446	1.046	74,3	85,9	107,9
V. THƯƠNG MẠI - GIÁ CẢ					
1. Tổng mức hàng hóa bán lẻ (tỷ đồng)	34.502	73.858	87,7	124,8	124,0
<i>*Phân theo thành phần kinh tế</i>					
Kinh tế nhà nước	7.763	16.761	86,3	127,9	119,2
Kinh tế ngoài nhà nước	25.790	55.132	87,9	24,0	26,0
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	949	1.965	93,5	123,1	112,9
<i>* Phân theo ngành hoạt động</i>					
<i>Trong đó:</i>					
Thương nghiệp	26.238	57.305	84,5	122,5	125,7
Khách sạn	649	1.365	90,7	149,1	121,6
Nhà hàng	3.028	5.911	105,0	141,4	125,8
Dịch vụ du lịch lữ hành	999	1.827	120,6	162,7	121,1
2. Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	1.569,3	3.329,3	89,2	123,1	119,7
Kinh tế nhà nước	853,2	1.728,3	97,5	135,5	121,6

	Thực hiện năm 2011		% so sánh		
	Tháng 2	2 tháng	Tháng 2	Tháng 2	2 tháng
			với tháng 1/2011	với tháng 2/11	2011 với 2 tháng 2010
Kinh tế ngoài nhà nước	336,2	748,7	81,5	113,1	120,5
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	380,0	852,3	80,5	109,4	115,4
* Kim ngạch XK không kể dầu thô	1.052,4	2.348,3	81,2	109,1	119,9
3. Kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)	1.596,6	3.583,7	80,3	107,8	124,4
Kinh tế nhà nước	517,5	1.187,4	77,3	88,4	125,1
Kinh tế ngoài nhà nước	664,1	1.549,2	75,0	115,2	122,6
Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	415,0	847,1	96,0	130,0	126,8
4. Chỉ số giá ⁽¹⁾ (%)					
Chỉ số giá tiêu dùng		102,63	101,61	109,22	
T.đó: Hàng lương thực		101,99	100,88	110,84	
Hàng thực phẩm		104,49	103,33	114,73	
Chỉ số giá vàng		99,33	99,36	135,38	
Chỉ số giá USD		99,6	100,43	109,40	
VI. VẬN TẢI					
1. Doanh thu vận tải hàng hóa (tỷ đồng)	1.440,3	3.348,4	75,5	124,8	127,3
Tr.đó : Đường bộ	693,4	1.678,9	70,4	123,2	123,2
Đường sông	119,7	288,1	71,1	145,7	146,6
Đường biển	621,6	1.369,9	83,1	122,9	129,0
2. Doanh thu vận tải hành khách (tỷ đồng)	822,8	1.649,6	99,5	129,9	129,1
Tr.đó : Đường bộ	644,5	1.285,5	100,5	124,5	124,3
Đường sông	13,6	27,3	100,0	129,9	129,9
3. Doanh thu bốc xếp và dịch vụ vận tải (tỷ đồng)	419,8	874,0	92,4	134,5	120,1
4. Sản lượng hàng hóa qua cảng (ngàn tấn)	4.857,5	9.831,7	97,7	139,5	114,7
Cảng biển	4.614,7	9.334,5	97,8	139,4	114,7
Cảng sông	242,8	497,2	95,4	139,9	113,7

(1) Chỉ số giá 2 tháng là giá của tháng 2 so với tháng 12 năm trước